TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **245**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Huỳnh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 412/17 đường NT, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Tran, Thanh Quoc A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 348 Klassen Road, Kelowna BC, VIX 7P2, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Mai Huỳnh T trình bày:

Bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A kết hôn năm 2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 08/02/2017 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, ông Tran, Thanh Quoc A trở về nước Canada sinh sống và làm việc, bà Mai Huỳnh T vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng không sống chung, có rất ít thời gian gặp mặt nhau nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Mai Huỳnh T yêu cầu ly hôn ông Tran, Thanh Quoc A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 15/5/2024, ông Tran, Thanh Quoc A trình bày:

Ông Tran, Thanh Quoc A đồng ý thống nhất trình bày của bà Mai Huỳnh T về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà Mai Huỳnh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Tran, Thanh Quoc A có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tran, Thanh Quoc A đồng ý ly hôn bà Mai Huỳnh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Huỳnh T yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A đang cư trú tại nước Canada, nguyên đơn bà Mai Huỳnh T cư trú tại Quận Y, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Mai Huỳnh T, bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Mai Huỳnh T và bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Huỳnh T đối với bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 08/02/2017 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Mai Huỳnh T yêu cầu ly hôn ông Tran, Thanh Quoc A với lý do sau khi kết hôn, ông Tran, Thanh Quoc A trở về nước Canada sinh sống và làm việc, bà Mai Huỳnh T vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng

không sống chung, có rất ít thời gian gặp mặt nhau nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn. Đối với ông Tran, Thanh Quoc A trình bày thừa nhận là đúng và đồng ý ly hôn bà Mai Huỳnh T. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Huỳnh T ly hôn ông Tran, Thanh Quoc A theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Huỳnh T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Huỳnh T đối với bị đơn ông Tran, Thanh Quoc A:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mai Huỳnh T ly hôn ông Tran, Thanh Quoc A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 08/02/2017 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Mai Huỳnh T và ông Tran, Thanh Quoc A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Mai Huỳnh T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032639 ngày 19/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Mai Huỳnh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Tran, Thanh Quoc A cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QY, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức